

Mẫu số 39-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2020/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Tuấn H
2. Bà Nguyễn Thị Kim T

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246, 482, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, 464, 465, 466, 357, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 67/2019/TLST- DSST ngày 16 tháng 5 năm 2019 về " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST ngày 06 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ 32, phường H, thành phố T, tỉnh TN.

+ Bị đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1949; Bà Hà Thị P, sinh năm 1956; Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1978;

Đều trú tại: xóm N, xã C, thành phố T, tỉnh TN.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:
Chị Phạm Thanh T, sinh năm 1984; Trú tại: Số 111 C4, tập thể TC, phường T, quận B, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Việt Đ khởi kiện yêu cầu Ông Phạm Đức T, Bà Hà Thị P; Anh Phạm Ngọc T trả tổng số tiền 550.000.000đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản tại phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên ngày 13/01/2013 . Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận như sau:

+ Ông Phạm Đức T, Bà Hà Thị P; Anh Phạm Ngọc T có trách nhiệm liên đới trả anh Nguyễn Việt Đ tổng số tiền 350.000.000đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

* Về lãi suất: Ông Phạm Đức T, bà Hà Thị P, anh Phạm Ngọc T không phải trả lãi suất do anh Đ không yêu cầu.

+ Sau khi ông T, bà P, anh T trả hết tiền cho anh Đ thì Anh Nguyễn Việt Đ có trách nhiệm trả cho Ông Phạm Đức T, bà Hà Thị P giấy chứng nhận QSD đất số AM 795762 do UBND thành phố T cấp ngày 30/11/2008 mang tên hộ Ông Phạm Đức T, bà Hà Thị P .

Anh Đ có trách nhiệm trả chị Phạm Thanh T 01 giấy chứng nhận QSD đất số BU 962391 do UBND thành phố T cấp ngày 19/9/2014 mang tên Phạm Thanh T, năm sinh 1984, CMTND số 0909918763 Địa chỉ thường trú: Xã C, thành phố T..

* Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, anh Đức có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông Phạm Đức T, bà Hà Thị P, anh Phạm Ngọc T không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định bằng 50% của mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Phạm Đức T, bà Hà Thị P, anh Phạm Ngọc T liên đới chịu 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào Ngân sách nhà nước;

Hoàn trả anh Nguyễn Việt Đ 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0001697 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên,

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh T
- VKSND TPT;
- THADS TPT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Hồng Thái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Hồng Thái

